

Số: *M* /2023/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày *12* tháng *7* năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định mức phân bổ kinh phí và mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND-PC ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.



QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định mức phân bổ kinh phí và mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 41/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về mức chi cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND, BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TTHĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTHĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Công báo tỉnh (Sở TTTT);
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

**Huỳnh Thị Hằng**



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Mức phân bổ kinh phí và mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Kèm theo Nghị quyết số M/2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức phân bổ kinh phí và mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ có liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật được phân bổ trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm và thực hiện theo phân cấp ngân sách.

Chương II MỨC PHÂN BỐ KINH PHÍ, MỨC CHI

Điều 3. Mức phân bổ kinh phí

1. Kinh phí chi cho công tác xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân ban hành mới hoặc thay thế

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân

Cấp tỉnh: 24.000.000 đồng/văn bản;

Cấp huyện: 12.000.000 đồng/văn bản;

Cấp xã: 8.000.000 đồng/văn bản.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân

Cấp tỉnh: 16.000.000 đồng/văn bản;

Cấp huyện: 8.000.000 đồng/văn bản;

Cấp xã: 6.400.000 đồng/văn bản.

2. Kinh phí chi cho công tác xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân sửa đổi, bổ sung

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân

Cấp tỉnh: 19.200.000 đồng/văn bản;

Cấp huyện: 9.600.000 đồng/văn bản;

Cấp xã: 6.400.000 đồng/văn bản.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân

Cấp tỉnh: 12.800.000 đồng/văn bản;

Cấp huyện: 6.400.000 đồng/văn bản;

Cấp xã: 5.100.000 đồng/văn bản.

3. Kinh phí chi cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác liên quan đến công tác thẩm định) nằm trong mức phân bổ kinh phí đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này và được quy định cụ thể như sau:

a) Kinh phí thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: 2.900.000 đồng/văn bản.

b) Kinh phí thẩm định, thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế: 1.600.000 đồng/văn bản.

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung: 1.200.000 đồng/văn bản.

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã và dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định mức kinh phí thẩm định trong mức phân bổ kinh phí đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 4. Mức chi

1. Mức chi cho các nội dung trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (có phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Căn cứ nhiệm vụ và mức kinh phí được phân bổ để thực hiện hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quyết định mức chi nhưng không được vượt quá định mức chi quy định tại Điều 3 Quy định này.

Điều 5. Đối với các nội dung chi khác liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật không được quy



định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC

Mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Phước

(Kèm theo Nghị quyết số M./2023/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Stt	Nội dung chi	Mức chi		
		Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1.	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân			
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	1.200.000 đồng/đề cương	960.000 đồng/đề cương	760.000 đồng/đề cương
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung	760.000 đồng/đề cương	600.000 đồng/đề cương	480.000 đồng/đề cương
2.	Chi soạn thảo dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân			
a)	Văn bản mới hoặc thay thế	3.800.000 đồng/dự thảo văn bản	3.000.000 đồng/dự thảo văn bản	2.400.000 đồng/dự thảo văn bản
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung	3.200.000 đồng/dự thảo văn bản	2.500.000 đồng/dự thảo văn bản	2.000.000 đồng/dự thảo văn bản
3.	Chi soạn thảo các loại báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật			
a)	Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	2.400.000 đồng/tờ trình		
b)	Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân			
	Văn bản mới hoặc thay thế	720.000 đồng/báo cáo	570.000 đồng/báo cáo	460.000 đồng/báo cáo
	Văn bản sửa đổi, bổ sung	480.000 đồng/báo cáo	380.000 đồng/báo cáo	300.000 đồng/báo cáo



c)	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên Hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân			
	Văn bản mới hoặc thay thế	400.000 đồng/báo cáo	320.000 đồng/báo cáo	250.000 đồng/báo cáo
	Văn bản sửa đổi, bổ sung	240.000 đồng/báo cáo	190.000 đồng/báo cáo	150.000 đồng/báo cáo
d)	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách	6.400.000 đồng/báo cáo		
đ)	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo (nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới)	1.600.000 đồng/báo cáo		
e)	Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản (nếu trong dự thảo có quy định thủ tục hành chính)	1.600.000 đồng/bản đánh giá		
g)	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	3.200.000 đồng/báo cáo		
h)	Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	2.400.000 đồng/báo cáo		
i)	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật			
	Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật	5.400.000 đồng/báo cáo	4.000.000 đồng/báo cáo	1.400.000 đồng/báo cáo
	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề, đột xuất	8.000.000 đồng/báo cáo	6.400.000 đồng/báo cáo	5.100.000 đồng/báo cáo
	Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật	4.000.000 đồng/báo cáo	3.200.000 đồng/báo cáo	2.500.000 đồng/báo cáo



4.	Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định văn bản, thẩm tra văn bản			
a)	Góp ý đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân	300.000 đồng/văn bản	240.000 đồng/văn bản	190.000 đồng/văn bản
b)	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra			
	Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	600.000 đồng/báo cáo		
	Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân	600.000 đồng/báo cáo	480.000 đồng/báo cáo	380.000 đồng/báo cáo
5.	Chỉnh lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình, dự thảo văn bản	240.000 đồng/lần chỉnh lý	190.000 đồng/lần chỉnh lý	150.000 đồng/lần chỉnh lý
6.	Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật			
a)	Chủ trì	150.000 đồng/người/ cuộc họp	120.000 đồng/người/ cuộc họp	90.000 đồng/người/ cuộc họp
b)	Các thành viên tham dự	100.000 đồng/người/ cuộc họp	80.000 đồng/người/ cuộc họp	60.000 đồng/người/ cuộc họp
c)	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự	320.000 đồng/văn bản	250.000 đồng/văn bản	200.000 đồng/văn bản
7.	Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập: Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phân biện của các chuyên gia độc lập thì mức chi 1.500.000 đồng/văn bản.			